BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 713 /QĐ-NTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý lưu học sinh học tập
tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 02 /QĐ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý lưu học sinh học tập tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, bao gồm: tiếp nhận, đào tạo và quản lý l; quyền lợi và trách nhiệm của lưu học sinh, tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng của Quy định này là người nước ngoài học tập, nghiên cứu tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, bao gồm: sinh viên học đại học; học viên chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh; học viên theo học chương trình trao đổi

ngắn hạn theo hình thức Hiệp định chính phủ, học bổng hoặc tự túc (gọi chung là lưu học sinh); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy và học tập

1. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức được sử dụng để giảng dạy và học tập tại Nhà trường (ngoại trừ một số môn học chuyên môn dạy bằng tiếng Anh ở một số chương trình đào tạo cụ thể).

Lưu học sinh phải đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt theo quy định đối với từng trình độ đào tạo và chương trình đào tạo theo Quy định về khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành.

2. Lưu học sinh có thể học tập và nghiên cứu bằng ngôn ngữ khác đối với một số chương trình đào tạo cụ thể của Trường.

Lưu học sinh theo học chương trình trao đổi ngắn hạn bằng ngôn ngữ khác mà Nhà trường được phép sử dụng trong đào tạo cần đạt yêu cầu về trình độ ngôn ngữ đó theo quy định cụ thể của từng chương trình đào tạo.

Điều 3. Điều kiện về học vấn, chuyên môn, sức khỏe

1. Lưu học sinh nhập học chương trình đại học, thạc sĩ, tiến sĩ phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước gửi lưu học sinh là thành viên đối với trình độ đào tạo.

2. Lưu học sinh theo học chương trình trao đổi ngắn hạn phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn đã được thỏa thuận giữa Việt Nam với phía gửi đào tạo hoặc theo hợp đồng đào tạo đã ký kết.

3. Lưu học sinh vào thực tập chuyên ngành phải đáp ứng các điều kiện về học vấn và chuyên môn theo yêu cầu của Nhà trường.

4. Lưu học sinh vào học các ngành năng khiếu (văn hóa, nghệ thuật, mỹ thuật, kiến trúc, thể dục thể thao) ngoài những điều kiện quy định tại Điều này cần phải đạt các yêu cầu của các kỳ thi hoặc kiểm tra về năng khiếu theo quy định của Nhà trường.

5. Lưu học sinh phải học bổ sung kiến thức chuyên ngành để đạt yêu cầu được vào học trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (nếu cần) do Nhà trường tổ chức thực hiện trong thời gian tối đa là 01 năm học sau khi lưu học sinh đã đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt.

6. Lưu học sinh phải có đủ sức khỏe để học tập tại Việt Nam. Sau khi đến Việt Nam, lưu học sinh phải kiểm tra lại sức khỏe tại cơ sở y tế do cơ sở giáo dục tiếp nhận đào tạo hoặc cơ sở phục vụ lưu học sinh của Việt Nam chỉ định. Trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không đủ sức khỏe để học tập thì lưu học sinh phải về nước.

Điều 4. Quy trình tiếp nhận lưu học sinh và tổ chức lớp học

1. Đối với lưu học sinh theo học chương trình trao đổi ngắn hạn:

a) Thỏa luận và thống nhất việc tiếp nhận sinh viên giữa Nhà trường và cơ sở giáo dục đối tác

b) Đối với sinh viên đã được lựa chọn tham gia chương trình sẽ được Nhà trường cung cấp các hồ sơ bao gồm: Thư chấp thuận nhập học chương trình trao đổi lấy tín chỉ tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành; thông tin hướng dẫn chung về visa nhập cảnh, nhà ở, bảo hiểm y tế, lịch học tập; hướng dẫn về nhà ở, ký túc xá, dịch vụ tiếp đón tại sân bay.

c) Lưu học sinh tiến hành hoàn thành hồ sơ xin cấp thị thực nhập cảnh Việt Nam trước 30 ngày kể từ khi chương trình trao đổi lưu học sinh bắt đầu.

d) Sau khi nhận được thị thực nhập cảnh, lưu học sinh xác nhận cho cán bộ phụ trách các chương trình trao đổi sinh viên ngắn hạn về kế hoạch nhập học và dịch vụ đón tiếp tại sân bay (nếu cần).

đ) Lưu học sinh bắt đầu chương trình trao đổi tại Nhà trường theo kế hoạch học tập.

e) Trước khi kết thúc chương trình trao đổi, lưu học sinh cần nộp bảng điểm hoặc xác nhận đã hoàn thành các môn học đã đăng ký về Phòng Hợp tác quốc tế để được cấp Giấy xác nhận đã hoàn thành chương trình trao đổi.

2. Đối với lưu học sinh học chương trình đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:

a) Theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Nhà trường, lưu học sinh nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký xét tuyển bằng các hình thức trực tuyến, theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Hỗ trợ sinh viên Quốc tế.

b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển được kiểm tra, yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung (nếu có).

c) Nhà trường ra quyết định tiếp nhận lưu học sinh vào học hoặc từ chối.

d) Tổ chức lớp học: lưu học sinh trúng tuyển vào học theo kế hoạch đào tạo hàng năm của Nhà trường. Đối với lưu học sinh chưa đạt trình độ tiếng Việt, Nhà trường sẽ giới thiệu học tiếng Việt tại các cơ sở đào tạo dự bị tiếng Việt do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam quy định.

Điều 5. Hồ sơ

1. Đối với lưu học sinh theo học chương trình trao đổi ngắn hạn, lưu học sinh phải nộp cho Nhà trường hồ sơ bao gồm:

a) Phiếu đăng ký;

b) Bảng điểm (tính đến học kỳ gần nhất);

c) Kế hoạch học tập (nêu rõ các môn học sẽ đăng ký học tập trong từng học kỳ và mục tiêu học tập);

d) Thư đề cử của cơ sở giáo dục cử đi;

đ) Chứng chỉ tiếng Anh (có thời hạn trong vòng 2 năm);

e) Bản photo hộ chiếu;

g) Các chứng chỉ, giấy khen (nếu có).

2. Đối với lưu học sinh đại học; học viên chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh. Lưu học sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, bao gồm:

a) Phiếu đăng ký (Phụ lục I);

b) Bản dịch xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo;

c) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

d) Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có);

đ) Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh);

e) Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh);

g) Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu (nếu có);

h) Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam;

i) Quyết định cử đi học của nước gửi đào tạo (nếu có);

j) 4 ảnh chân dung cỡ 4x6 (chụp không quá 6 tháng).

Điều 6. Các môn học không bắt buộc đối với lưu học sinh

1. Lưu học sinh được miễn học các học phần tiếng Anh không chuyên, tiếng Anh chuyên ngành và chuẩn đầu ra tiếng Anh.

2. Lưu học sinh theo học chương trình đại học được miễn học môn Giáo dục quốc phòng - an ninh và được lựa chọn học môn học thay thế phù hợp.

Điều 7. Các quy định trong quá trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo và việc tổ chức đào tạo thực hiện theo các quy định của Trường tương ứng với từng trình độ đào tạo, bao gồm:

a) Chương trình và thời gian đào tạo.

b) Thi, bảo vệ khóa luận, đồ án, luận văn cuối khóa, luận văn tốt nghiệp, cấp bằng, chứng chỉ, xét tốt nghiệp:

c) Chế độ rút ngắn, kéo dài thời gian học tập.

d) Chế độ nghỉ học đối với lưu học sinh.

đ) Tạm dừng học, đình chỉ.

e) Chuyển ngành học, chuyển trường.

g) Chỉ được phép chuyển ngành học, chuyển trường khi phía gửi đào tạo có văn bản đồng ý gửi về Nhà trường. Việc chuyển ngành, chuyển chỉ thực hiện 1 lần.

2. Nhà trưởng tổ chức phổ biến về nội quy, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu học sinh tham gia sinh hoạt và các hoạt động của Trường. Lưu học sinh được hỗ trợ về chỗ ở theo định mức của Nhà trường.

3. Các chi phí đào tạo, chỗ ở trong quá trình kéo dài thời gian khi hết niên khóa học tập, lưu học sinh diện học bổng sẽ phải tự túc kinh phí. Hết niên khóa đào tạo, lưu học sinh chưa tốt nghiệp phải tự túc chi phí sinh hoạt, chỗ ở.

Điều 8. Thời gian học tập và những thay đổi trong quá trình học tập

1. Áp dụng theo Điều 8, Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam, bao gồm:

a) Thời gian học tập để lấy văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận

b) Điều chỉnh thời gian học tập

c) Tạm dừng học

d) Chuyển ngành học, chuyển cơ sở giáo dục

Điều 9. Chính sách học bổng và đào tạo

1. Lưu học sinh được hưởng chính sách học bổng như đối với sinh viên Việt Nam và một số chính sách học bổng đặc thù khác như mức hỗ trợ về học phí, chi phí chỗ ở, sinh hoạt phí.

2. Lưu học sinh học lại học phần không đạt sẽ được nhà trường hỗ trợ như sau

a) Không đạt lần 1: Đóng 50% học phí của học phần.

b) Không đạt lần 2: Đóng 100% học phí của học phần.

Điều 10. Quyền lợi và trách nhiệm đối với lưu học sinh

1. Quyền lợi đối với lưu học sinh áp dụng theo Điều 11, Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2. Trách nhiệm đối với lưu học sinh áp dụng theo Điều 12, Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam và quy định sau đây:

a) Đảm bảo tài chính phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt.

b) Thực hiện đúng các nội quy về chỗ ở.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý lưu học sinh

Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm áp dụng quy định tương ứng của Trường trong việc đào tạo, quản lý lưu học sinh và nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên Quốc tế

a) Thực hiện công tác tuyển sinh hàng năm đối với lưu học sinh thuộc diện Hiệp định và ngoài Hiệp định.

b) Chủ trì việc gửi thông báo trúng tuyển, nhập học, khai giảng đối với lưu học sinh chương trình đại học.

c) Tổng hợp theo dõi học tập, nhắc nhở đăng ký môn học theo học kỳ, hướng dẫn đăng ký học lại, học ghép đối với lưu học sinh chương trình đại học.

d) Thực hiện thủ tục xin Visa và gia hạn cho lưu học sinh.

đ) Cấp giấy xác nhận lưu học sinh đang theo học chương trình đại học.

e) Theo dõi và phối hợp các đơn vị liên quan đến công tác lưu học sinh trong thời gian lưu học sinh học tập, lưu trú tại Việt Nam.

g) Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại cho lưu học sinh.

h) Thực hiện các thủ tục đăng ký tạm trú, thanh toán chi phí chỗ ở cho lưu học sinh tại các khu lưu trú bên ngoài Trường.

i) Báo cáo về công tác quản lý lưu học sinh theo quy định của Nhà trường.

k) Thực hiện việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của lưu học sinh vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ http://lhsnn.vied.vn chậm nhất 30 ngày sau khi lưu học sinh đến Việt Nam nhập học và cập nhật thông tin hằng năm hoặc khi có sự thay đổi.

l) Các vấn đề phát sinh khác.

2. Phòng Quản lý Đào tạo

Đảm bảo chương trình, kế hoạch và nội dung, chất lượng chuyên môn đào tạo lưu học sinh; bố trí lớp học, giảng viên hướng dẫn; theo dõi, quản lý việc học tập, nghiên cứu; cấp phát văn bằng tốt nghiệp hoặc chứng chỉ theo thẩm quyền.

3. Các Khoa/Viện Đào tạo quốc tế

a) Bố trí giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực tập, nghiên cứu cho lưu học sinh các ngành do Khoa/Viện đào tạo quốc tế.

b) Lựa chọn sinh viên Việt Nam có cùng chuyên ngành (*chuyên ngành gần*) tham gia giúp đỡ lưu học sinh trong quá trình học tập và sinh hoạt tại Trường.

c) Thông tin về tình hình học tập và các vấn đề phát sinh khác của lưu học sinh cho các đơn vị liên quan khác.

4. Viện Nghiên cứu và Đào tạo sau đại học

a) Chủ trì việc gửi thông báo trúng tuyển, nhập học, khai giảng đối với lưu học sinh chương trình thạc sĩ, tiến sĩ.

b) Cấp giấy xác nhận lưu học sinh đang theo học chương trình thạc sĩ, tiến sĩ.

5. Phòng Hợp tác Quốc tế - Trung tâm Hỗ trợ sinh viên Quốc tế

a) Gửi thông báo trúng tuyển, nhập học, khai giảng đối với lưu học sinh trao đổi sau khi nhận được các loại thông báo trên từ phía các đơn vị chức năng có liên quan.

b) Phối hợp với các đơn vị chức năng trong công tác báo cáo tình hình lưu học sinh cho Hiệu trưởng.

c) Lưu trữ các báo cáo về tình hình tiếp nhận lưu học sinh, học tập và kết quả học tập của lưu học sinh.

d) Quản lý thực hiện việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin của lưu học sinh vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ http://lhsnn.vied.vn chậm nhất 30 ngày sau khi lưu học sinh đến Việt Nam nhập học và cập nhật thông tin hằng năm hoặc khi có sự thay đổi.

e) Gửi báo cáo về công tác tiếp nhận, đào tạo lưu học sinh và kết quả học tập của lưu học sinh về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (qua đường bưu điện và file dữ liệu vào mục báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh tại địa chỉ http://lhsnn.vied.vn). Đồng thời thực hiện báo cáo về tình hình tiếp nhận và học tập của lưu học sinh theo Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.Trung tâm Dịch vụ và quản lý ký túc xá

a) Bố trí chỗ ở Ký túc xá tại trường cho lưu học sinh có nhu cầu lưu trú.

b) Quản lý việc lưu trú của lưu học sinh trong thời gian lưu trú tại ký túc xá theo quy định pháp luật.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Đối với các đơn vị đào tạo, quản lý, phục vụ lưu học sinh

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đào tạo, quản lý và phục vụ lưu học sinh được khen thưởng theo quy định của Nhà trường về thi đua, khen thưởng.

b) Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm về Quy định quản lý lưu học sinh học tập tại Trường, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Nhà trường.

2. Đối với lưu học sinh

a) Áp dụng theo Điều 13, Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

Điều 13. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 14. Các Ông (Bà) Chánh văn phòng Trường; Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; Người đứng đầu các tổ chức, đơn vị có liên quan trong Trường Đại học Nguyễn Tất Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Website;
- Lưu: VT, HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HÙNG

Dán ảnh cỡ 4x6

Attach your photo size

Phụ lục I

PHIẾU ĐĂNG KÝ

DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM

APPLICATION FORM

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name . . . . .
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. . . . . tháng/month . . . . . năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	□ Nam/Male	□ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. . . . . Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:	. . . . .	
6	Nghề nghiệp/Occupation:	. . . . .	
7	Tôn giáo/Religion:	. . . . .	
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue . . . . .
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date . . . . .
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	□ Độc thân/Single □ Đã kết hôn/Married □ Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:	. . . . .	
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	. . . .	
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:	. . . . .	

	your home country:	.....
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:	
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship .....
	Địa chỉ nơi ở/Residential address	Nơi làm việc/Place of work ....
	Điện thoại/Phone number	Email .....

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
	....	....	....	....

15	Quá trình công tác/Employment record:	
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:	.....
	Thời gian công tác/Time of employment:	Từ/From: tháng/month..... năm/year..... Đến/To: tháng/month..... năm/year.....
	Vị trí công tác/Job Title:	.....
	Mô tả công việc/Job Description:	.....
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:	.....
	Thời gian công tác/Time of employment:	Từ/From: tháng/month..... năm/year..... Đến/To: tháng/month..... năm/year.....
	Vị trí công tác/Job Title:	.....
	Mô tả công việc/Job Description:	.....

16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:	
	□ Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency □ Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	□ Sơ cấp/Elementary □ Trung cấp/Intermediate □ Cao cấp/Advanced
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:	
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:	. . . .
	Tổng thời gian đã học/Total length of study:	. . . .giờ/hours . . . .tháng/months . . . .năm/years
	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:	□ Không/No □ Có/Yes Trình độ/Level: . . . . .
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:	□ THPT/High school □ Cao đẳng/College □ Đại học/Bachelor □ Thạc sĩ/Master □ Tiến sĩ/Doctor
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:	
	□ Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency □ Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	□ Sơ cấp/Elementary □ Trung cấp/Intermediate □ Cao cấp/Advanced
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: . . . . . Trình độ/Level: . . . . Trình độ/Level:	
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program:	
	□ Tiểu học/Primary School □ Trung học cơ sở/Lower Secondary School □ Trung học phổ thông/Upper Secondary School	
	□ Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School □ Cao đẳng/Associate □ Đại học/Bachelor □ Thạc sĩ/Master □ Tiến sĩ/PhD □ Thực tập sinh/Research Fellowship course □ Khóa học ngắn hạn/Short-term training	
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:	

21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: . . . . . ngày/day . . . . . tháng/month. . . . . năm/year. Đến/To: . . . . . ngày/day . . . . . tháng/month. . . . . năm/year.
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research: . . . .
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: □ Tiếng Việt/Vietnamese □ Tiếng Anh/English □ Ngôn ngữ khác/Other language: . . . . .
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):

Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
1.	. . . . .	. . . . .
2.	. . . . .	. . . . .

25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: □ Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship □ Học bổng khác/Other Scholarship □ Tự túc kinh phí/Self-funding
26	**Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan** tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. **I, the undersigned, hereby acknowledge** that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.

Ngày/Day . . . . . .tháng/month . . . . . năm/year . . . . . .

Ký tên/Applicant's signature: . . . . . .

Danh mục hồ sơ/Document Checklist

Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.

□ 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.

□ 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo.

Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.

☐ 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.

☐ 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).

☐ 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.

☐ 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).

☐ 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).

☐ 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).

☐ 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.